TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2021/DS-PT
Ngày: 14/12/2021
V/v tranh chấp: "*Chia tài sản chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các thẩm phán: Ông Trần Hữu Tính.

Ông Huỳnh Việt Trung.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Hậu Mộng Thúy, Thẩm tra viên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thúy Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 52/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp *"Chia tài sản chung"*;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 350/2020/DS-ST ngày 25/11/2020 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXPT-DS ngày 26/02/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thanh T, sinh năm 2003;
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị C, sinh năm 1968;
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của C, T: Phan Thanh S, sinh năm 1978;
Địa chỉ: Số M, phường N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Phạm Hồng Đ, sinh năm 1963; (có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Văn phòng công chứng A, tỉnh Tiền Giang; (có văn bản xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Huỳnh Thị Ngọc T sinh năm 1964; (có văn bản xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Phạm Hồng C, sinh năm 1957; (có văn bản xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Phạm Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn Phạm Thanh T trình bày: Ngày 05/9/2018, ông Phạm Hồng C có ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Hồng Đ phần đất thuộc thửa 4927, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.978,1m^2, đất tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Hợp đồng phát sinh hiệu lực và đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Phạm Hồng Đ;

Chị Phạm Thanh T là con của ông Phạm Hồng Đ, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị Phạm Thanh T sống chung với bà Nguyễn Thị C ở xã N, huyện P, tỉnh Đồng Tháp, không sống chung với ông Phạm Hồng Đ nhưng có đăng ký hộ khẩu chung hộ của ông Phạm Hồng Đ từ năm 2015.

Do các thành viên trong hộ không thống nhất về quyền lợi nên phát sinh tranh chấp, chị Phạm Thanh T yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình cho chị Phạm Thanh T cụ thể như sau: Yêu cầu ông Phạm Hồng Đ chia cho chị Phạm Thanh T 1/3 diện tích thửa đất 4927 tờ bản đồ số 01 diện tích 1.978,1 m^2 mục đích sử dụng đất trồng lúa nước là 659,36 m^2, địa chỉ thửa đất ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Chị Phạm Thanh T xin nhận giá trị bằng tiền là 1.752.850.000 đồng (Giá đất được tính theo Chứng thư thẩm định giá số 190020/TPVTG- CTTĐ ngày 05/4/2019 Của Công ty cổ phần thẩm định giá Thiên Phú).

Bị đơn Phạm Hồng Đ trình bày: Trước đây, cha mẹ ông có giao cho anh ông là ông Phạm Hồng C phần đất diện tích khoảng 5000m^2, thuộc thửa đất số 444 tờ bản đồ số 01 loại đất trồng lúa tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00408 ngày 12/12/2016. Năm 2016, ông C có giao cho ông Đ diện tích đất 1.978,1m^2 để ông Đ quản lý, canh tác, sử dụng. Năm 2018, ông Phạm Hồng C đã làm thủ tục tặng cho ông một phần diện tích thửa đất là 1.978,1m^2. Tuy nhiên khi làm thủ tục pháp lý thì ông Đ nhờ dịch vụ đi làm thủ tục và ra công chứng, không biết lý do gì trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ghi là tặng cho hộ Phạm Hồng Đ. Thực tế đây là đất của cha mẹ để lại nên ông Phạm Hồng C chỉ tặng cho em là Phạm Hồng Đ. Khi ký tên vào bản hợp đồng tại phòng công chứng thì chỉ có ông là Phạm Hồng Đ ký bên nhận tặng cho chứ không có bất kỳ thành viên nào của hộ gia đình Phạm Hồng Đ tham gia ký tên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Các thành viên trong hộ của ông hoàn toàn không liên quan đến việc nhận tặng cho quyền sử dụng đất và không có ủy quyền cho ông làm thủ tục nhận tặng cho quyền sử dụng đất. Ý chí của ông C và của ông khi ký kết hợp đồng đều xác định hoàn toàn là tặng cho cá nhân Phạm Hồng Đ. Mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi chủ sử dụng là hộ Phạm Hồng Đ nhưng toàn bộ quyền sử dụng đất là của cá nhân ông, không phát sinh quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong hộ. Đối với Phạm Thanh T (là con chung giữa ông và bà Nguyễn Thị C) có đăng ký cùng hộ khẩu với ông tại ấp M, xã N nhưng thực tế từ năm 2015, Phạm Thanh T không về sống chung với ông mà do bà C trực tiếp nuôi dưỡng và sinh sống cùng với bà C tại xã N, huyện P, tỉnh Đồng

Tháp. Do đó, ông Đ không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của Phạm Thanh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Phạm Hồng C trình bày: Trước đây cha mẹ có cho ông phần đất diện tích khoảng 5000m^2 thuộc thửa đất số 444 tờ bản đồ số 01 loại đất trồng lúa tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00408 ngày 12/12/2016;

Năm 2018, em ông là Phạm Hồng Đ có nhu cầu sử dụng đất nên ông đã làm thủ tục tặng cho Phạm Hồng Đ một phần diện tích đất 1978,1m^2. Tuy nhiên, khi làm thủ tục pháp lý và ra công chứng, không biết lý do gì trong hợp đồng tặng cho ghi là tặng cho hộ Phạm Hồng Đ. Thực tế đây là đất của cha mẹ để lại nên ông chỉ tặng cho em là Phạm Hồng Đ. Khi ký tên vào bản hợp đồng thì chỉ có ông ký bên tặng cho và Phạm Hồng Đ ký bên nhận tặng cho chứ không có bất kỳ thành viên nào của hộ gia đình Phạm Hồng Đ tham gia ký tên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Ý chí của ông hoàn toàn là tặng cho cá nhân Phạm Hồng Đ. Ông có nộp đơn yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho số công chứng 4452 quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD về việc tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 4927 tờ bản đồ số 01 diện tích 1.978,1 m^2 mục đích sử dụng là đất trồng lúa nước, địa chỉ thửa đất ấp M, xã N, huyện P tỉnh Tiền Giang vì lý do bị nhầm lẫn. Tuy nhiên, ông và Phạm Hồng Đ đã thỏa thuận tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh tên người sử dụng đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông đã rút đơn yêu cầu khởi kiện. Tòa án đã ra quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông.

Huỳnh Thị Ngọc T trình bày: Ngày 05/9/2018, ông Phạm Hồng C có ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Hồng Đ phần đất thuộc thửa 4927, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.978,1m^2, đất tại ấp M, xã N, huyện P, Tiền Giang. Hợp đồng phát sinh hiệu lực và đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Phạm Hồng Đ, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Phạm Hồng Đ gồm có 03 thành viên: Phạm Hồng Đ, Huỳnh Thị Ngọc T và Phạm Thanh T. Do các thành viên trong hộ không thống nhất về quyền lợi của các thành viên trong hộ nên phát sinh tranh chấp. Do đó bà có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của hộ gia đình cụ thể như sau: Yêu cầu ông Phạm Hồng Đ chia cho bà 1/3 diện tích thửa đất 4927 tờ bản đồ số 01 diện tích 1.978,1 m^2 mục đích sử dụng đất trồng lúa nước là 659,36 m^2, địa chỉ thửa đất ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên hiện nay bà và ông Phạm Hồng Đ đã thỏa thuận thống nhất với nhau về quyền sử dụng thửa đất trên nên bà đã rút đơn yêu cầu chia tài sản. Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà.

Đại diện Văn phòng công chứng A trình bày: Ngày 05/9/2018, Văn phòng công chứng A có nhận được yêu cầu công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Hồng C cho hộ ông Phạm Hồng Đ đối với phần đất thuộc Văn phòng công chứng A. Việc công chứng hợp đồng Văn phòng đã thực hiện đúng trình tự và quy định của pháp luật về công chứng. Các bên phát sinh tranh chấp do Tòa án quyết định, Văn phòng công chứng không có ý kiến.

Bản án dân sự sơ thẩm số 350/2020/DS-ST ngày 25/11/2020 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào các điều 26, 92, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 101, 102, 212 Bộ luật dân sự; Khoản 29 Điều 3 Luật đất đai;

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thanh T.

Về việc yêu cầu ông Phạm Hồng Đ chia cho chị Phạm Thanh T 1/3 diện tích thửa đất 4927, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.978,1 m^2, mục đích sử dụng đất trồng lúa nước là 659,36 m^2, địa chỉ thửa đất ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang, giá trị bằng tiền là 1.752.850.000 đồng.

Về án phí: Chị Phạm Thanh T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 32.292.000đồng tạm ứng án phí chị Phạm Thanh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí 01249 ngày 05/9/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Tiền Giang. Hoàn lại cho chị Phạm Thanh T 31.992.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30/11/2020, nguyên đơn Phạm Thanh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn Phạm Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện;

Bị đơn Phạm Hồng Đ đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Phạm Thanh T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp; Thời hạn kháng cáo; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thanh T thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp *"Sở hữu chung của các thành viên gia đình"* được quy định tại Điều 212 Bộ luật Dân Sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 30/11/2020 và biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm của nguyên đơn Phạm Thanh T thì nguyên đơn Phạm Thanh T kháng cáo trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đại diện theo pháp luật Văn phòng công chứng A, Huỳnh Thị Ngọc T, Phạm Hồng C theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 294, 296 Bộ luật Tố tụng Dân Sự xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Phạm Thanh T về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy*:*

Căn cứ vào lời trình bày và lời thừa nhận của các đương sự tại phiên Tòa sơ thẩm cũng như tại phiên Tòa phúc thẩm thì chị Phạm Thanh T có đăng ký hộ khẩu tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang chung với ông Phạm Hồng Đ từ năm 2015 nhưng chị Phạm Thanh T không sống chung với ông Phạm Hồng Đ mà sống chung với bà Nguyễn Thị C tại xã N, huyện P, tỉnh Đồng Tháp;

Thửa đất số 4927, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.978,1 m^2, mục đích sử dụng đất trồng lúa nước, tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang được Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất là hộ ông Phạm Hồng Đ;

Nguồn gốc thửa đất nêu trên được xác lập từ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/9/2018, nội dung hợp đồng ghi bên tặng cho là ông Phạm Hồng C, bên nhận tặng cho là hộ Phạm Hồng Đ.

Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập và những chứng cứ do đương sự cung cấp;

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu chia tài sản chung của chị Phạm Thanh T là không có cơ sở, bởi vì:

Tại thời điểm lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Hồng C và ông Phạm Hồng Đ không xác định thành viên hộ Phạm Hồng Đ gồm những ai, chỉ có ông Phạm Hồng Đ là chủ thể tham gia, xác lập hợp đồng, không có bất kỳ thành viên nào trong hộ ông Phạm Hồng Đ có văn bản ủy quyền cho ông Phạm Hồng Đ đại diện tham gia, xác lập hợp đồng; Khi ông Phạm Hồng Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cũng không có danh sách các thành viên hộ Phạm Hồng Đ kèm theo;

Ngoài ra thửa đất tranh chấp nêu trên cũng không phải do các thành viên hộ gia đình của ông Đ đóng góp công sức, tạo lập mà tài sản này có nguồn gốc từ cha mẹ ông Đ, cha mẹ ông Đ tặng cho ông C, sau đó ông C tặng cho lại ông Đ;

Vì thế hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có hiệu lực nhưng không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các thành viên khác trong hộ gia đình ông Phạm Hồng Đ tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nên thửa đất tranh chấp nêu trên thuộc quyền sở hữu cá nhân của ông Phạm Hồng Đ;

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của chị Phạm Thanh T không đưa ra được căn cứ chứng minh nào khác ngoài những chứng cứ đã thu thập tại Tòa án cấp sơ thẩm. Vì thế, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phạm Thanh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Áp dụng các điều 101, 102, 212 Bộ luật Dân Sự; Khoản 29 Điều 3 Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thanh T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 350/2020/DS-ST ngày 25/11/2020 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thanh T về việc yêu cầu ông Phạm Hồng Đ chia cho chị Phạm Thanh T một phần ba diện tích thuộc thửa đất 4927, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.978,1 m^2 mục đích sử dụng đất trồng lúa nước là 659,36 m^2, tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang, giá trị bằng tiền là 1.752.850.000 đồng.

Về án phí: Chị Phạm Thanh T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 32.292.000đồng tạm ứng án phí chị Phạm Thanh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí 01249 ngày 05/9/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Tiền Giang. Hoàn lại cho chị Phạm Thanh T 31.992.000đồng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phạm Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà chị Trúc đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003619 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Tiền Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện P;
- THADS huyện P;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

Trương Vĩnh Hữu